



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

Số: HQ.25.02398

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

**Tên sản phẩm** : Steady 6.0  
**Số lượng/ khối lượng** : 2.160 bao/ 54.000 kg  
**Ngày sản xuất** : 09/01/2025  
**Hãng, nước sản xuất** : Fertimar Mineracao E Navegacao S.A, Brazil  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : 20240012 ngày 02/01/2025  
Hóa đơn số : 107797-2 ngày 21/3/2025  
Vận đơn số : MEDUSA529966  
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 3075/HQ-GDK-TTKN ngày 07/5/2025  
(Mã hồ sơ BNNPTNT29250034810)  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BIOFARM**  
Địa chỉ: Số 11A Hồng Hà, Phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Quyết định chứng nhận**  
Số: 1008 /QĐ-TTKN  
Ngày 10 tháng 6 năm 2025



**Lê Văn Yên**





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

Số: HQ.25.02399

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

**Tên sản phẩm** : Steady 6.0  
**Số lượng/ khối lượng** : 4.320 bao/ 108.000 kg  
**Ngày sản xuất** : 18-20/02/2025  
**Hãng, nước sản xuất** : Fertimar Mineracao E Navegacao S.A, Brazil  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : 20240014 ngày 03/01/2025  
Hóa đơn số : 107799 ngày 19/3/2025  
Vận đơn số : MEDUSA526830  
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 3076/HQ-GDK-TTKN ngày 07/5/2025  
(Mã hồ sơ BNNPTNT29250034838)  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BIOFARM**  
Địa chỉ: Số 11A Hồng Hà, Phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Quyết định chứng nhận**  
Số: 1008 /QĐ-TTKN  
Ngày 10 tháng 6 năm 2025



**Lê Văn Yên**



## BẢNG MÃ HÓA MẪU PHÂN TÍCH

### 1. Mã hóa mẫu (trước khi gửi đi phân tích):

| DOANH<br>NGHIỆP<br>ĐƯỢC<br>ĐÁNH GIÁ                                             | MÃ SỐ MẪU    | QUY CHUẨN ÁP<br>DỤNG                            | TÊN SẢN PHẨM/CHỈ<br>TIÊU PHÂN TÍCH                                                                                                                           | GHI CHÚ                |
|---------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| Công Ty<br>TNHH<br>Thương Mại<br>Dịch Vụ<br>Nông Nghiệp<br>Biofarm<br>03/6/2025 | 0625025/HQV2 | QCVN 02-31-<br>2:2019/BNNPTNT<br>Mục 2.3 bảng 3 | <b>Steady 6.0</b><br>Asen (As) vô cơ (mg/kg)<br>Thủy ngân (Hg) (mg/kg)<br>Chì (Pb) (mg/kg)<br><i>Escherichia coli</i> (CFU/g)<br><i>Salmonella</i> (CFU/25g) | BNNPTNT<br>29250034810 |
|                                                                                 | 0625026/HQV2 | QCVN 02-31-<br>2:2019/BNNPTNT<br>Mục 2.3 bảng 3 | <b>Steady 6.0</b><br>Asen (As) vô cơ (mg/kg)<br>Thủy ngân (Hg) (mg/kg)<br>Chì (Pb) (mg/kg)<br><i>Escherichia coli</i> (CFU/g)<br><i>Salmonella</i> (CFU/25g) | BNNPTNT<br>29250034838 |

Bảng mã hóa này được làm thành 02 bản: 01 bản lưu tại cơ sở thực hiện mã hóa, 01 bản đính kèm Báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm (BM 46-12).

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 06 năm 2025

NGƯỜI LẬP MÃ HOÁ



Phạm Hồng Quân

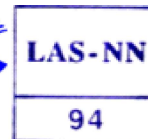
### 2. Gửi mẫu đến phòng thử nghiệm:

| Gửi mẫu         |         |                                                      | Phòng thử<br>nghiệm được lựa<br>chọn | Ghi chú |
|-----------------|---------|------------------------------------------------------|--------------------------------------|---------|
| Người thực hiện | Đơn vị  | Thời gian<br>(ghi rõ .... giờ, ngày<br>.../.../....) |                                      |         |
| Bùi Trọng Đoàn  | ASTAC 2 | 17h30 ngày 03/06/2025                                | ASTAC 1                              |         |



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 6157/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II

Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Phạm Hồng Quân

Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản

Mã số mẫu/Sample code : 17762506146

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 04/06/2025

Ngày phân tích/Analysing date : 04/06/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup> | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|----------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| 0625025/HQV2                           | Asen (As) vô cơ (**)                   | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | KPH                | EN 16278:2012                   |
|                                        | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | KPH                | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | KPH                | EN 16277:2012                   |
|                                        | Escherichia coli (*) (**)              | CFU/g               | <10                | TCVN 7924-2:2008                |
|                                        | Salmonella spp. (*) (**)               | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 07/06/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

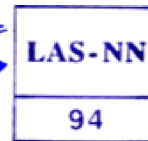
#### Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected ; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
*ANALYTICAL REPORT*  
Số/No.: 6158/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Phạm Hồng Quân  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 17762506147  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 04/06/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 04/06/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup> | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|----------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| 0625026/HQV2                           | Asen (As) vô cơ (**)                   | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | KPH                | EN 16278:2012                   |
|                                        | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | KPH                | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | <0,05              | EN 16277:2012                   |
|                                        | <i>Escherichia coli</i> (*)(**)        | CFU/g               | <10                | TCVN 7924-2:2008                |
|                                        | <i>Salmonella</i> spp. (*)(**)         | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 07/06/2025

**GIÁM ĐỐC/DIRECTOR**



Nguyễn Đình Xuân Quý

**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected ; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.